

Số: 10/2020/QĐ-PT

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO VÀ KHÁNG NGHỊ
ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Tấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn.

Ông Phạm Tồn.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 16/2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã căn cứ vào Điều 48; khoản 1 Điều 192; điểm g, h khoản 1, 3 Điều 217; điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “*tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*” giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Phước A, sinh năm 1940; địa chỉ: thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1961; trú tại, thành phố H. (*Văn bản ủy quyền được Công chứng ngày 14/4/2017*)

Bị đơn: Bà Phạm Ngọc N1 và ông Trần Anh V (đều đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà N1 ông V gồm:

- Ông Trần Anh T, sinh năm 1961; địa chỉ: thành phố H.
- Ông Trần Mạnh T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Cộng hòa liên bang Đức.
- Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1974; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Thụy P, sinh năm 1963; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Văn Tuyết M, sinh năm 1938; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Văn Như Y, sinh năm 1943; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Văn Thiên H, sinh năm 1949; địa chỉ: Cộng hòa Pháp.
- Ông Trần Viết Tuấn A, sinh năm 1997; địa chỉ: thành phố H.
- Bà Đặng Nhất T, sinh năm 1968; địa chỉ: thành phố H.

Tại Đơn kháng cáo ngày 04/11/2019 Bà Nguyễn Thị Thu N (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Phước A) kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 16/2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục xét xử vụ án.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2269/QĐKNPT-VKS-DS ngày 05/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 16/2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại phiên họp phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp có ý kiến giữ nguyên kháng nghị; đồng thời cho rằng đây là vụ án đòi lại tài sản, mà tài sản đó đang do ông T giữ nên vụ án phải được tiếp tục giải quyết; nếu chỉ vì không tìm được địa chỉ của ông T1 mà đình chỉ giải quyết vụ án là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp cho bên nguyên đơn, trong khi bên phía thân nhân gia đình của bị đơn cố tình giấu địa chỉ của ông T1; đề nghị Hội đồng phúc thẩm chấp nhận kháng nghị và kháng cáo, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án.

XÉT THẤY

[1] Ngày 02/10/2014 ông Nguyễn Văn Phước A khởi kiện vợ chồng ông Trần Anh V, bà Phạm Ngọc N1 với yêu cầu trả lại 414 m² đất tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 7, tại phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đơn khởi kiện của người khởi kiện ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn, Tòa án nhân dân thành phố H đã thụ lý vụ án số 114/2014/TLST-DS ngày 02/12/2014 và đã giao thông báo thụ lý vụ án, tiến hành triệu tập được bị đơn theo đúng địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp và bị đơn đã tham gia tố tụng trong vụ án (các bút lục: 65, 68, 88, 89, 90, 112, 113). Vụ án cũng không thuộc trường hợp phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới mà không xác định được địa chỉ cư trú; chỉ phát sinh thay đổi mới nơi cư trú bên phía người bị kiện; người kế thừa của người bị kiện trong trường hợp này gắn liền với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quan hệ dân sự đang có tranh chấp, gắn liền với quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng với tư cách đương sự đã được xác định là Bị đơn tại Tòa án; thuộc trường hợp hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Như vậy Quyết định đình chỉ số 16 nhận định người khởi kiện không ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện để áp dụng Điều 473 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm c khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-

HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là chưa hợp lý.

[2] Ngày 11/4/2016 ông Trần Anh V chết, ngày 14/4/2016 bà Phạm Ngọc N1 chết. Ông V và bà N1 có 03 người con là Trần Anh T, Trần Mạnh T1 và Trần Mạnh H; hiện ông T đang tiếp tục định cư tại thửa đất 129 tranh chấp nêu trên, ông T1 chỉ có địa chỉ là Cộng hòa liên bang Đức, ông H địa chỉ cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thu thập địa chỉ của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn nhưng ông Trần Anh T không hợp tác cung cấp địa chỉ của ông Trần Mạnh T1. Trường hợp này các ông Trần Anh T, Trần Mạnh T1 và Trần Mạnh H là người được pháp luật quy định kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông V bà N1 nên tiếp tục tham gia tố tụng với vị trí bên phía bị đơn. Ông Trần Anh T đã tham gia tố tụng trong vụ án và là người đang trực tiếp giữ tài sản tranh chấp, ông Trần Mạnh T1 trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 có 06 lần nhập cảnh Việt Nam, như vậy là gia đình của bị đơn có sự thường xuyên liên hệ với nhau trong thời gian tranh chấp đã được Tòa án thụ lý. Người khởi kiện cho rằng thửa đất 129 diện tích 414m² là của bên nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C trông coi giúp, bị đơn cho rằng thửa đất 129 trên là do bị đơn mua của ông Nguyễn Văn C (*lời khai bà N1 tại bút lục 88*); do đó đây là quan hệ dân sự mà những người kế thừa của bị đơn và nguyên đơn đều cùng phải thực hiện nghĩa vụ chứng minh tính hợp lý của việc sử dụng thửa đất 129 tranh chấp nêu trên. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn đã không thông báo cho người khởi kiện và người liên quan trong quan hệ dân sự biết về nơi cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này “*được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*”

[3] Mặc khác, theo văn bản của Cục quản lý xuất nhập cảnh (phòng 7) ngày 10/4/2019 về Lịch sử hồ sơ cấp hộ chiếu (bút lục 320) thì chỉ xác định lần cấp hộ chiếu cho ông Trần Mạnh T1 ngày 02/3/2000 của số hộ chiếu AX0100520, hộ chiếu này hết hạn ngày 02/3/2005. Theo Công văn 3259/PA08-DD3 ngày 10/4/2019 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an Thừa Thiên Huế thì ông Trần Mạnh T1 đã sử dụng hộ chiếu số AX0100520 để xuất nhập cảnh Việt Nam 06 lần từ ngày 14/01/2003 đến 23/8/2007; sử dụng hộ chiếu N1201644 để xuất nhập cảnh Việt Nam 02 lần từ 20/3/2011 đến 28/3/2011; sử dụng hộ chiếu N1500696 để xuất nhập cảnh Việt Nam nhiều lần từ ngày 05/7/2011 đến 22/6/2016 (10 lần). Như vậy ngoài lần cấp hộ chiếu ngày 02/3/2000 của số hộ chiếu AX0100520 của Cục

xuất nhập cảnh, thì ông T1 còn được cấp hộ chiếu N1201644 và N1500696 nhưng Cục xuất nhập cảnh không có hồ sơ lịch sử cấp hộ chiếu. Theo quy định tại Nghị định 136/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì có 02 trường hợp cấp hộ chiếu phổ thông là Cục quản lý xuất nhập cảnh và Cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài. Trường hợp Cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài cấp hộ chiếu thì đương nhiên có hồ sơ lịch sử cấp hộ chiếu. Theo Công văn số 2826 /CV-TAND ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức về việc xác minh địa chỉ của ông T1, đã không thể hiện đầy đủ các thông tin về các hộ chiếu, các lần xuất nhập cảnh của ông Trần Mạnh T1 như nêu trên là thiếu sót làm cho cơ quan được xác minh là Đại sứ quán không có thông tin về ông Trần Mạnh T1. Hình thức của Văn bản thu thập thông tin cũng không đúng và đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Hơn nữa, hiện nay gia đình ông Trần Anh T đang là người trực tiếp quản lý sử dụng tài sản tranh chấp đã tham gia tố tụng trong vụ án. Những tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn đã cung cấp như “*Văn tự đoạn mãi nhà và vườn*” được lập và chứng thực của chính quyền chế độ cũ năm 1951 (bút lục 10), “*Tờ ủy quyền*” được lập ngày 24/5/1975 (bút lục 46) và tài liệu của bên bị đơn gồm “*Đơn xin làm nhà trên đất tư*” do bà Phạm Ngọc N1 ký đơn ngày 28/02/1986 (bút lục 48,49) “*Đơn xin thỏa thuận cho làm nhà trên đất tư*” do ông Nguyễn Văn C ký đơn ngày 28/02/1986 (bút lục 50) cho thấy việc đình chỉ giải quyết vụ án có thể làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên nguyên đơn.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng phúc thẩm chấp nhận kháng nghị và kháng cáo, hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông A không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm c khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 16/2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Ông Nguyễn Văn Phước A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho Ông A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (do bà Nguyễn

Thị Thu N đại diện theo ủy quyền nộp) theo biên lai thu số 005571 ngày 15/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ II)
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục thi hành án dân sự Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Tấn Long